TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2017
"V/v ly hôn giữa chị T và anh P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc
2. Ông Trương Văn Mên

-Thư ký phiên tòa: ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:* ông Nguyễn Thanh Vũ, Kiểm sát viên - tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 về việc Ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXX-ST ngày 29/5/2017 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lê Thị Diễm T, sinh năm 1986 (có mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Chổ ở hiện nay: khóm 1, phường 2, thị xã D H , tỉnh Trà Vinh.
2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1982 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2017 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Diễm T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2009 chị T và anh Nguyễn Văn P đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh, thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vã, tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không còn hạnh phúc nữa, nay chị T yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Nguyễn Lê Thảo T sinh ngày 23/7/2009, chị T yêu cầu được nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản: vợ chồng thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: vợ chồng vay quỹ tín dụng V 50.000.000 đồng từ tháng 12/2016 đến nay chưa đóng lãi, chị T yêu cầu chia đôi trả vốn và lãi.

- Theo bản khai ngày 30/3/2017 và lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Về hôn nhân: theo lời trình bày của chị T là đúng vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2009.Về mâu thuẫn gia đình vợ chồng có cãi vả, anh P có đánh chị T và chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở huyện D sống từ năm 2017 cho đến nay. Nay vợ xin ly hôn anh không chấp nhận ly hôn vì anh còn thương vợ con.

Về con chung: Nguyễn Lê Thảo T sinh ngày 23/7/2009, theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: anh P đang quản lý gồm có 04 con bò, đất thửa 298, tờ bản đồ số 3, diện tích 5.920m ^{2},vợ anh quản lý 200.000.000 đồng, 01 chiếc lắc 13 chỉ vàng 24k, một dây chuyền bạch kim trị giá 24.000.000 đồng, một lắc chuỗi vàng 18 K 05 chỉ. Anh P và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : nợ quỹ tín dụng V 50.000.000 đồng, anh P không chấp nhận cùng chị T trả.

Cháu Nguyễn Lê Thảo T sinh ngày 23/7/2009 trình bày: khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Ngày 20/4/2017 Quỹ tín dụng nhân dân xã V có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu chị Lê Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn P phải trả số nợ đã vay của Quỹ tín dụng vào ngày 16/12/2016 là 50.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ gốc.

Ngày 04/5/2017 Quỹ tín dụng nhân dân xã V có đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập vì chị Lê Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn P đã trả xong nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng nên Tòa án ra quyết định số 20/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2017 đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập.

Qua các phiên hòa giải chị T và anh P vẫn không thỏa thuận được với nhau nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai vào ngày 16/6/2017 anh P vắng mặt, nên hoãn phiên Tòa và tiếp tục đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai.

Tại phiên tòa hôm nay chị T cương quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng thường xuyên cự cải và không còn hạnh phúc từ năm 2013 cho đến nay, chị không còn tình cảm với anh P. Con chung theo chị thì chị nuôi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Tài sản thì chị và anh P tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ quỹ tín dụng thì đã trả xong.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục, quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện Kiểm Sát nghiên cứu đúng thời hạn; cấp tống đạt các văn bản tố tụng đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa hôm nay, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Qua nhiều lần hòa giải chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, anh P xin đoàn tụ, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắng đoàn tụ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 , 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị T được ly hôn với anh P. Về con chung cháu Nguyễn Lê Thảo T, sinh ngày 23/7/2009 có nguyện vọng được sống chung với chị T nên giao con chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản không yêu cầu không xét, nợ chung đã trả xong, không xem xét. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị Lê Thị Diễm T và anh Nguyễn Văn P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C vào ngày 26/6/2009 (Chứng nhận kết hôn Quyển số 01 số 136) là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị T và anh P là hợp pháp.

Sau khi kết hôn với nhau thì giữa chị T và anh P xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên hay cải vả nhau, anh P đánh đập chị T từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng mất đi nên anh chị ly thân nhau, thời gian ly thân anh chị không quan tâm chăm sóc nhau, anh P không tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, qua nhiều lần hòa giải cũng như tại phiên tòa chị T vẫn cương quyết xin ly hôn.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị T tự nguyện xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Nguyễn Lê Thảo T sinh ngày 23/7/2009 hiện tại chị T đang nuôi dưỡng và cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị T là phù hợp theo qui định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của cháu T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu T nên không xét.

Về tài sản : Chị T và anh P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Về nợ chung: đã trả xong, không yêu cầu nên không xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp ,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp ,quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1**.** *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị Diễm T được ly hôn anh Nguyễn Văn P

2**.** *Về con chung*: Chị Lê Thị Diễm T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Thảo T sinh ngày 23/7/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu T nên không xét.

Anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3.Về tài sản: Chị T và anh P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

4.Về nợ chung: đã trả xong, không yêu cầu nên không xét.

5.*Về án phí*: Chị Lê Thị Diễm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007102 ngày 06/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Lê Thị Diễm T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để xin tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán- Chủ Toạ Phiên Toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
-Các đương sự;
- UBND xã C;
-Lưu hồ sơ./.

Nguyễn Ngọc Tranh